

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ XỬ LÝ TÀI CHÍNH TRƯỚC KHI CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

PGS.TS. LÊ HUY TRỌNG*

Kết quả của các cuộc kiểm toán liên quan đến việc xử lý tài chính và tư vấn định giá doanh nghiệp để cổ phần hóa của các Tổng Công ty của Kiểm toán nhà nước là một trong những cơ sở để cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, giúp cho quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về cổ phần hóa của Nhà nước. Qua công tác kiểm toán, Kiểm toán nhà nước đã phát hiện một số hạn chế, tồn tại trong quá trình xử lý tài chính của doanh nghiệp cổ phần hóa và việc định giá doanh nghiệp của các đơn vị tư vấn cũng như một số bất cập, hạn chế trong tổ chức kiểm toán đối với loại hình này của KTNN.

Từ khóa: Tổ chức kiểm toán, xác định giá trị doanh nghiệp, xử lý tài chính

The state of organizing audits of determining enterprise value and financial handling prior to the announcement of equitized enterprise values of State Audit Office of Vietnam

The results of the audits related to the financial settlement and valuation consultancy for equitization of corporations of the State Audit Office of Vietnam (SAV) are one of the bases for the competent bodies to appraise and approve the value of enterprises for equitization and support the equitization of enterprises to comply with the current legal framework on equitization of the State. Through auditing, SAV has found several existing limitations in the financial handling process of the equitized enterprises and the enterprise valuation of the consulting firms as well as limitations in conducting the audits of these by SAV.

Keywords: Conducting audits, determining enterprise value, financial handling

1. Thực trạng hoạt động tổ chức định giá doanh nghiệp

- Hầu hết các Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa của các doanh nghiệp cổ phần hóa còn thiếu kinh nghiệm, nắm bắt chính sách về

cổ phần hóa của Nhà nước còn chưa đầy đủ dẫn đến chưa hiểu hết trách nhiệm, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc khi cổ phần hóa DNNN.

- Đa số các tổ chức tư vấn định giá doanh nghiệp đều lựa chọn phương pháp tài sản dẫn đến có một

*Kiểm toán trưởng, Kiểm toán nhà nước Chuyên ngành V



số nội dung chưa được định giá như tài sản vô hình (doanh nghiệp tư vấn xây dựng, giao thông...), bí quyết công nghệ, năng lực trình độ quản lý của Ban lãnh đạo, đội ngũ tay nghề của công nhân viên...

- Một số trường hợp tổ chức định giá sau thời điểm định giá doanh nghiệp cổ phần hóa quá dài (06 tháng, 1 năm...) dẫn đến việc xác định giá thị trường của tài sản doanh nghiệp theo phương pháp tài sản tại thời điểm định giá doanh nghiệp là chưa phù hợp.

- Hầu hết các đơn vị công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đều vượt quá thời gian tính từ thời điểm định giá (06 tháng đối với phương pháp tài sản; 09 tháng đối với phương pháp dòng tiền chiết khấu); cá biệt có một số đơn vị vẫn giữ kết quả định giá vượt thời gian tối đa (18 tháng) dẫn đến kết quả định giá doanh nghiệp không còn ý nghĩa.

- Ngoài 02 phương pháp định giá (tài sản, chiết khấu dòng tiền), quy định hiện hành về định giá doanh nghiệp để cổ phần hóa còn chưa có hướng dẫn liên quan đến các phương pháp định giá doanh nghiệp khác như phương pháp định lượng Goodwill; phương pháp giá trị kinh tế gia tăng...

2. Thực trạng công tác xử lý tài chính

- Tổ chức kiểm kê phân loại tài sản là hiện vật còn hình thức; chưa nêu rõ hiện trạng cũng như tình trạng của tài sản hiện vật dẫn đến tổ chức tư vấn định giá chưa chính xác giá trị tài sản; có trường hợp không kiểm kê thực tế dẫn đến sót tài sản, nhất là các tài sản đã phân bổ hết giá trị, đã khấu hao hết nguyên giá nhưng vẫn còn sử dụng được.

- Chưa có quy định yêu cầu hội đồng kiểm kê của doanh nghiệp cổ phần hóa (trong đó có người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản) phải xác định giá trị thị trường của tài sản tương đương và tỷ lệ còn lại của tài sản để làm cơ sở so sánh với giá trị thị trường và tỷ lệ còn lại do tổ chức tư vấn định giá đưa ra. Dẫn đến có trường hợp giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa bị đánh giá thấp hơn so với giá trị thị trường của tài sản;

- Hầu hết các đơn vị đều không đối chiếu đầy đủ công nợ; không kiên quyết xử lý nợ phải thu khó đòi do vướng mắc trong việc xem xét trách nhiệm gây ra nợ phải thu khó đòi dẫn đến sau cổ phần hóa nhiều doanh nghiệp vẫn còn tồn đọng về tài chính, nợ phải thu vẫn còn lớn, chưa được xử lý xóa nợ,

giãn nợ... lập BCTC không chính xác dẫn đến xác định không đúng giá trị doanh nghiệp và phản ánh thiếu nợ phải trả (bao gồm cả nợ NSNN) tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

- Đối với các khoản đầu tư tài chính, góp vốn liên doanh liên kết: nhiều trường hợp DN có vốn đầu tư tài chính, liên doanh liên kết chưa kiểm toán BCTC tại thời điểm định giá; phân phối lợi nhuận chưa phân phối; các quỹ... dẫn đến xác định chưa chính xác giá trị vốn đầu tư của doanh nghiệp cổ phần hóa.

3. Phương pháp định giá giá trị doanh nghiệp

3.1. Định giá theo phương pháp tài sản

- Một số đơn vị tư vấn được lựa chọn sau thời điểm định giá doanh nghiệp, không tham gia kiểm kê tài sản của doanh nghiệp cổ phần hóa dẫn đến việc xác định giá trị thị trường của tài sản chưa đảm bảo theo quy trình và có trường hợp định giá sót tài sản.

- Đối với diện tích đất doanh nghiệp cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm: hiện nay chưa có quy định, cơ chế xác định lợi thế quyền thuê đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, trong khi đó nhiều doanh nghiệp cổ phần hóa đang quản lý, sử dụng Quỹ đất thuê trả tiền hàng năm là các diện tích “đất vàng” đối với thị trường bất động sản nên nhiều trường hợp dù kinh doanh thua lỗ, mất hết vốn nhà nước nhưng đang quản lý, sử dụng quỹ đất thuê trả tiền hàng năm này đang là đối tượng thôn tính doanh nghiệp của các doanh nghiệp khác.

- Đối với các diện tích đất được giao cho doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện dự án kinh doanh bất động sản: doanh nghiệp đã được giao từ lâu nhưng vẫn đang thực hiện giải phóng mặt bằng; chưa được bàn giao mốc giới cũng như tính tiền sử dụng đất thì không có cơ chế, quy định liên quan để xác định giá trị vào giá trị doanh nghiệp. Theo quy định hiện hành thì đối với diện tích đất này được tính theo giá trị sổ sách thì có thể dẫn đến mất vốn vì trường hợp doanh nghiệp được Nhà nước giao

thực hiện dự án kinh doanh bất động sản nhưng vẫn đang thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng kéo dài do quy hoạch dự án bị chồng lấn, tranh chấp với dân... dẫn đến có những doanh nghiệp kinh doanh bất động sản hơn 10 năm chưa hoàn thành giải phóng mặt bằng, đền bù nhưng thực tế chưa bị thu hồi dự án nhưng giá trị lợi thế đó chưa được tính vào giá trị doanh nghiệp.

- Đối với diện tích đất giao không thu tiền sử dụng đất hoặc đất giao kinh doanh bất động sản đã hoàn thành tính tiền sử dụng đất khi xin ý kiến các địa phương về giá đất để tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa thì hầu hết các địa phương đều không trả lời. Việc này nguyên nhân là do các địa phương để trả lời được phải tổ chức định giá đất đối với diện tích đất tương ứng theo quy trình định giá đất của Luật đất đai mà thời hạn chỉ cho phép tối đa 30 ngày là hoàn toàn không khả thi với UBND Tỉnh, Thành phố. Do vậy, hầu hết các giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa hiện nay đều lấy giá đất theo giá tạm tính là giá đất tính lệ phí trước bạ (thông thường cách xa so với giá thị trường thực tế) do UBND Tỉnh, Thành phố công bố.

- Định giá các khoản đầu tư tài chính:

+ Đối với các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán: do thị trường chứng khoán bị ảnh hưởng của nhiều yếu tố, có những cổ phiếu không có giao dịch hoặc giao dịch với lượng mua bán thấp nên giá khớp lệnh của cổ phiếu tương ứng tại thời điểm xác định giá trị không phản ánh chính xác giá trị thị trường; nhiều cổ phiếu bị phản ánh quá thấp so với giá trị sổ sách của cổ phiếu đó nên dẫn đến có thể định giá làm mất vốn của doanh nghiệp và của Nhà nước;

+ Đối với các khoản đầu tư tài chính vào doanh nghiệp chưa niêm yết: theo phương pháp vốn chủ sở hữu như quy định hiện hành chưa phản ánh được tính thị trường của các khoản đầu tư, nên việc định giá trị doanh nghiệp khó có thể đảm bảo tính xác thực, minh bạch như trường hợp các bên chưa góp đầy đủ vốn điều lệ; kết quả kinh doanh đang

thua lỗ do đang lỗ kế hoạch vì doanh nghiệp mới đi vào đầu tư; báo cáo tài chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư lập chưa chính xác (giấu lãi); nhiều khoản đầu tư đang thua lỗ thì được xử lý giảm vốn đầu tư của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm định giá có thể dẫn đến mất vốn đầu tư;

+ Đối với khoản góp vốn bằng ngoại tệ: khi xác định giá trị doanh nghiệp thì được định giá lại theo tỷ giá hiện thời, trong khi doanh nghiệp nhận góp vốn đã vốn hóa khoản góp vốn này theo tỷ giá tại thời điểm nhận vốn góp, dẫn tới khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại giá trị ngoại tệ, việc này không được đơn vị nhận góp vốn thừa nhận, vì tạo nguồn vốn ảo cho doanh nghiệp sau cổ phần hóa.

- *Định giá lợi thế kinh doanh:*

+ Đối với tiềm năng phát triển của doanh nghiệp: việc tính lợi thế kinh doanh căn cứ vào lợi nhuận bình quân 03 năm gần nhất và so sánh với lãi suất Trái phiếu Chính phủ như quy định hiện tại là không hợp lý, vì chưa phản ánh đúng lợi thế kinh doanh do khoảng thời gian quá ngắn, không phù hợp với doanh nghiệp kinh doanh những sản phẩm có tính chất chu kỳ;

+ Đối với chi phí thương hiệu: được căn cứ vào các khoản chi phí tạo ra thương hiệu trong vòng 05 năm là ngắn so với nhiều doanh nghiệp có bề dày hoạt động lên hàng chục thậm chí hàng trăm năm; bên cạnh đó, nội dung các chi phí được coi là tạo ra thương hiệu chưa được quy định đầy đủ, rõ ràng.

- *Định giá đối với tài sản vô hình:* Theo quy định hiện hành, các bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ, quyền khai thác kênh truyền hình; bản quyền sáng chế... là những tài sản vô hình hiện chưa được đưa vào giá trị doanh nghiệp trong khi thực tế quyền sở hữu các tài sản vô hình là giá trị rất lớn của doanh nghiệp cổ phần hóa. Bên cạnh đó, TSCĐ vô hình đã khấu hao hết và thu hồi đủ vốn mà công ty cổ phần vẫn tiếp tục sử dụng nhưng lại không được đánh giá lại để đưa vào giá trị doanh nghiệp.

- *Định giá máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ; nhà cửa vật kiến trúc:* các tổ chức tư vấn định giá

thường xác định lại tỷ lệ còn lại của tài sản theo khung thời gian khấu hao tối đa theo quy định hiện hành nhưng trong thực tế một số tài sản cá biệt như đập thủy điện, nhà cao tầng có kết cấu vĩnh cửu thì việc xác định tỷ lệ còn lại theo khung quy định là chưa phù hợp.

3.2. Định giá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu

Trong khi việc xác định giá trị doanh nghiệp bằng phương pháp tài sản ròng không tính hết được các giá trị tiềm năng của doanh nghiệp, mà chỉ căn cứ trên cơ sở các tài sản thực có tại thời điểm xác định giá trị, cho nên áp dụng phương pháp DCF sẽ xác định chính xác của giá trị doanh nghiệp; đặc biệt là các doanh nghiệp đang làm ăn có lãi, có thương hiệu và thị phần ổn định trên thị trường. Tuy nhiên, phần lớn các DNNN thường hoạt động kém hiệu quả, lợi nhuận thấp hoặc thậm chí lỗ. Đối với những doanh nghiệp như vậy, nếu áp dụng phương pháp dòng tiền chiết khấu DCF dựa trên các số liệu hiện tại, giá trị doanh nghiệp thường thấp hơn giá trị tài sản hoặc thậm chí âm, không phù hợp với thực tế.

Hệ thống số liệu thống kê của nước ta chưa phát triển, việc xác định các chỉ số bình quân của từng ngành (P/E, EPS, IRR,...) là rất khó và không phải lúc nào cũng làm được. Thiếu những chỉ số này làm chuẩn sẽ rất khó xác định được tỷ lệ chiết khấu thích hợp cho phương pháp dòng tiền chiết khấu, mặt khác phương pháp DCF đòi hỏi rất nhiều giả định dựa trên kinh nghiệm, trình độ của cán bộ định giá. Các giả định này thường rất khó kiểm chứng, hơn nữa, đội ngũ cán bộ của KTNN trong lĩnh vực này chưa nhiều và chưa có kinh nghiệm về vấn đề này.

Phương pháp dòng tiền chiết khấu DCF luôn phải sử dụng thị trường chứng khoán hoặc các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán làm chuẩn. Tuy nhiên, điều kiện của Việt Nam còn nhiều hạn chế như số lượng công ty tham gia vào thị trường chứng khoán nhỏ, nhiều ngành có số lượng công ty đại diện rất ít, dữ liệu lịch sử về giá

ngắn, thông tin về các công ty hoạt động trong từng ngành không được cập nhật thường xuyên và đầy đủ, cho nên khó phản ánh được đúng mức độ rủi ro của cả thị trường và từng ngành của từng công ty.

4. Thực trạng công tác tổ chức kiểm toán của KTNN

- Các cuộc kiểm toán XĐGTDN thường được Tổng KTNN giao nhiệm vụ bổ sung khi có văn bản Đề nghị của Thủ tướng Chính phủ nên các đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán không chủ động lập kế hoạch kiểm toán. Thời gian thực hiện kiểm toán thường vào cuối năm, trong thời điểm đó nguồn lực của đơn vị đã được bố trí vào các Đoàn kiểm toán đang thực hiện nhiệm vụ nên để bố trí KTV có kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ bổ sung gặp khó khăn nhất định.

- Đến nay, KTNN chưa ban hành hướng dẫn kiểm toán cũng như mẫu biểu hồ sơ liên quan đến loại hình kiểm toán này dẫn đến các báo cáo kiểm toán phát hành chưa có mẫu biểu thống nhất chung. Đặc biệt, tên gọi của báo cáo kiểm toán đang sử dụng là “Báo cáo kiểm toán” hoặc là “Báo cáo thẩm định”.

- Thời gian khảo sát, lập KHKT; thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán của KTNN đối với loại hình này cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật KTNN nhưng lại không đảm bảo thời gian theo quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP; đôi lúc làm kéo dài quá trình cổ phần hóa của đơn vị.

- Đối với tổ chức kiểm toán loại hình này ở một số đoàn kiểm toán chưa bố trí cơ cấu nhân sự kiểm toán viên hợp lý (không bố trí nhân sự là kiểm toán viên có chuyên ngành kỹ thuật) dẫn đến khó khăn trong công tác kiểm toán kết quả định giá việc quy đổi giá của các tài sản là nhà cửa, máy móc thiết bị, vật kiến trúc...

- Các kiểm toán viên thuộc các Đoàn kiểm toán đều không có chứng chỉ thẩm định viên về giá theo quy định của Luật Giá nên có nhiều hạn chế

trong việc đưa ra giá trị của tài sản cũng như giá trị doanh nghiệp mà chỉ đánh giá quy trình kiểm toán.

- Nội dung kiểm toán của các cuộc kiểm toán mới dừng lại ở kết quả xử lý tài chính và định giá doanh nghiệp mà chưa kiểm toán đến phương án cổ phần hóa cũng như công tác tổ chức định giá doanh nghiệp.

5. Giải pháp

5.1. Đối với công tác xử lý tài chính và định giá doanh nghiệp

Một là, bổ sung quy định việc lựa chọn tối thiểu 02 phương pháp định giá khi tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp; hướng dẫn cách áp dụng một số phương pháp định giá khác theo thông lệ quốc tế như phương pháp thị trường, phương pháp so sánh với các giao dịch tương tự; phương pháp vốn hoá thu nhập và dòng tiền chiết khấu; phương pháp định lượng Goodwill. Trong đó, phương pháp tài sản là phương pháp cơ sở để so sánh nhằm xác định chính xác giá trị doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa;

Hai là, áp dụng về giá trị doanh nghiệp trần – giá sàn để chủ sở hữu doanh nghiệp lựa chọn xác định giá trị doanh nghiệp và các nhà đầu tư có một cách nhìn khách quan hơn trước khi quyết định đầu tư;

Ba là, thiết lập hệ thống báo cáo bắt buộc và lưu trữ cơ sở dữ liệu về báo cáo và phương pháp định giá áp dụng cho công ty đã định giá, các cơ sở dữ liệu này sẽ là tài liệu quan trọng trong việc tổng hợp và phân tích để đưa ra các tỷ lệ chiết khấu, giả thiết và giả định của phương pháp DCF, giải quyết được những khó khăn hiện thời trong việc áp dụng phương pháp DCF như đã nêu ở phần trên.

Bốn là, ban hành tiêu chí xếp hạng các tổ chức tư vấn (theo doanh thu, quy mô, số lượng thẩm định viên đáp ứng yêu cầu...) để các chủ sở hữu các doanh nghiệp cổ phần hóa có thể dễ dàng lựa chọn các tổ chức có uy tín và đảm bảo chất lượng trong việc tư vấn định giá doanh nghiệp, kiên quyết loại bỏ các tổ chức tư vấn yếu kém đối với loại hình



định giá doanh nghiệp; thắt chặt việc lựa chọn các tổ chức tư vấn đủ điều kiện tư vấn lĩnh vực định giá doanh nghiệp; đào tạo, tập huấn cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc cổ phần hóa trước khi tổ chức thực hiện xử lý tài chính và định giá doanh nghiệp. Bổ sung quy định tổ chức tư vấn định giá tham gia cùng quá trình kiểm kê tài sản của doanh nghiệp cổ phần hóa để nắm bắt được thực trạng tài sản của doanh nghiệp nhằm định giá có hiệu quả hơn. Bổ sung quy định Hội đồng kiểm kê của doanh nghiệp cổ phần hóa phải đưa ra giá trị thị trường tài sản tương đương và tỷ lệ còn lại của tài sản để so sánh với kết quả định giá của thẩm định viên về giá;

Năm là, cần bổ sung hướng dẫn đối với việc định giá lợi thế quyền thuê đất trả tiền hàng năm; việc định giá đối với chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng đã chi trả về mức đền bù, giải phóng mặt bằng tại thời điểm định giá; đối với diện tích đất giao không thu tiền sử dụng đất thì cần áp dụng giá tạm tính là giá đất cụ thể theo quy định của Luật đất đai chứ không áp dụng theo bảng giá đất theo địa phương ban hành; bổ sung hướng dẫn việc định giá tài sản vô hình; xác định tỷ lệ còn lại đối với tài sản đặc thù có thiết kế vĩnh cửu;

Sáu là, đối với các khoản đầu tư tài chính thì cần quy định định giá thấp nhất là giá trị sổ sách của doanh nghiệp cổ phần hóa để bảo toàn đồng vốn, tránh mất vốn; các cổ phiếu niêm yết cần định giá thấp nhất là giá trị sổ sách của cổ phiếu

nhằm phù hợp với Luật Đầu tư vốn kinh doanh hiện hành;

Bảy là, cần ban hành quy định cụ thể về cổ đông chiến lược; bắt buộc đầu giá khi lựa chọn cổ đông chiến lược; bổ sung yêu cầu công khai thông tin khi lựa chọn cổ đông chiến lược với tỷ trọng lớn nhằm chống việc thôn tính, lợi ích nhóm trong việc thôn tính tài sản nhà nước qua con đường “cổ đông chiến lược”.

5.2. Đối với tổ chức kiểm toán của KTNN

- Khắc phục khó khăn trong việc giao kế hoạch, chủ động triển khai thực hiện kế hoạch kiểm toán. Vụ Tổng hợp và các đơn vị chủ trì kiểm toán phối hợp tốt hơn trong việc thực hiện Điều 14 của Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần: Đối với doanh nghiệp cổ phần hóa thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm toán nhà nước theo quy định tại Điều 27, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và khoản 4, Điều 1, Nghị định số 189/2013/NĐ-CP:

1. Căn cứ quyết định phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cơ quan quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp gửi danh sách thông báo thời gian (lộ trình) thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp đến cơ quan Kiểm toán nhà nước để cơ quan Kiểm toán nhà nước có chương trình, kế hoạch kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của tổ chức tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

2. Sau khi tổ chức tư vấn định giá đã hoàn thiện hồ sơ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định, cơ quan quyết định cổ phần hóa có văn

bản gửi cơ quan Kiểm toán nhà nước kèm theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa để cơ quan Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của tổ chức tư vấn định giá.

Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa và tổ chức tư vấn định giá có trách nhiệm cung cấp tài liệu và giải trình các nội dung có liên quan đến việc xử lý tài chính, xác định giá trị doanh nghiệp của tổ chức định giá theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước.

3. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền quyết định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, cơ quan Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý tài chính doanh nghiệp cổ phần hóa. Thời gian hoàn thành, công bố kết quả kiểm toán không quá 60 ngày kể từ ngày tiến hành kiểm toán. Kiểm toán nhà nước chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán theo quy định của pháp luật;

- KTNN cần sớm ban hành hướng dẫn kiểm toán đối với loại hình kiểm toán này dưới dạng sổ tay, đảm bảo sự thống nhất về hồ sơ mẫu biểu; Cần đào tạo, bồi dưỡng nhóm nhân sự có kinh nghiệm đối với loại hình kiểm toán này để ưu tiên trong việc thực hiện kiểm toán; thẩm định và kiểm soát chất lượng kiểm toán đối với loại hình kiểm toán này của KTNN;

- Cần rút ngắn quá trình khảo sát, lập kế hoạch; thực hiện kiểm toán; thẩm định và phát hành báo cáo kiểm toán đối với loại hình kiểm toán này nhằm đảm bảo tiến độ quá trình cổ phần hóa;

- Trước khi kiểm toán, các Đoàn kiểm toán cần thu thập đầy đủ các thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp cổ phần hóa, đặc biệt là tình trạng nợ, tài sản, hàng tồn kho nhằm đánh giá đúng giá trị thực tế của doanh nghiệp;

- Bố trí KTV tham gia kiểm toán của các đơn vị có tài sản lớn, đặc biệt là đơn vị có khối lượng TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc... cần tăng

cường KTV có chuyên môn về kỹ thuật để tính toán xác định giá trị thị trường đối với các loại tài sản hữu hình theo phương pháp tài sản;

- Khi tổ chức kiểm toán cần kiểm toán toàn diện công tác tổ chức định giá doanh nghiệp; kết quả định giá và xử lý tài chính cũng như việc xây dựng phương án cổ phần hóa của Ban chỉ đạo cổ phần hóa;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho nhóm kiểm toán viên thực hiện nhiệm vụ này các kỹ năng, quy trình thẩm định theo quy định của Luật Giá nhằm nâng cao năng lực, trình độ cho kiểm toán viên khi thực hiện kiểm toán;

- Tăng cường thực hiện quy chế sử dụng cộng tác viên là các chuyên gia ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Kiểm toán nhà nước;

2. Luật Giá 2012;

3. Các Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011; số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013; số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ v/v chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

4. Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ hướng dẫn Luật Giá; Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ hướng dẫn Luật Giá về thẩm định giá; Các Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam;

5. Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

6. Các Báo cáo kiểm toán do Kiểm toán nhà nước Chuyên ngành V thực hiện (TCT Viwaseen, TCT Viglacera, TCT HUD, TCT Sông Đà, TCT Licogi, SCTV, VTVCab, Nhà máy thủy điện Đak Mi 4 và 4C).